

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2021-2022

Tháng 9 năm 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	2023	700	660	663	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		34.45	32.57	31.77	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		0.15	0.05	0.1	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	2023	700	660	663	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		34.55	32.37	32.52	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		0.05	0.25	0.25	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)					
1	Tốt					

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
2	Khá <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
3	Đạt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
4	Chưa đạt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		34.60	32.62	32.77	
1.1	<i>áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011</i>					
a	Học sinh giỏi <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		34.55	32.37	32.52	
b	Học sinh tiên tiến <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		0.05	0.25	0.25	
1.2	<i>(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)</i>					
a	Học sinh xuất sắc <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
b	Học sinh giỏi <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
3	Lưu ban <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
4	Chuyển trường đi <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	0.69	0.2	0.25	0.24	
5	Chuyển trường đến <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
6	Bị đuổi học <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp thành phố				+ Văn hóa: 244 giải với 25 giải Nhất, 91 giải Nhì, 75 giải Ba và 53 giải Khuyến	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
					khích. + KHKT: 8 giải với 03 dự án đạt giải Nhất; 03 dự án đạt giải Nhì; 02 dự án đạt giải KK.	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				+ Văn hóa: Giải Quốc gia: 86 giải với 06 giải Nhất, 29 giải Nhì, 29 giải Ba, 22 giải Khuyến khích. + Cuộc thi Olympic Vật lý Châu Âu (EuPho) lần thứ 6: 01 học sinh lớp 12 chuyên Lý tham dự tại Slovenia. + KHKT: Thi Quốc tế tại Thụy sĩ: 03 dự án đạt HCV.	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	663	0	0	663	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	663	0	0	663	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	663			663	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1130/2023	296/404	219/381	318/345	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Hải Phòng, ngày tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thái Sơn